UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **SỞ NỘI VỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /SNV-LĐVL	*Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026*

V/v báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg

Kính gửi:
- Công an thành phố;
- Sở Xây dựng;
- Thanh tra thành phố;
- Bảo hiểm xã hội thành phố;
- Liên đoàn Lao động thành phố;
- Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng;
- Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng;
- Liên minh Hợp tác xã thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu.

Thực hiện Công văn số 12390/BNV-CTL&BHXH ngày 30/10/2026 của Bộ Nội vụ và Công văn số 12673/VP-NC ngày 31/10/2026 của Văn phòng UBND thành phố về việc báo cáo tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg.

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ và UBND thành phố, Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng báo cáo và cung cấp số liệu liên quan đến tình hình 07 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg theo Đề cương gửi kèm.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm phối hợp thực hiện, gửi báo cáo về Sở Nội vụ **trước ngày 08/11/2026** để tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ và UBND thành phố theo quy định./.

Nơi nhận: - Như trên; - UBND thành phố (để b/c); - Giám đốc Sở (để b/c); - Lưu: VT, LĐVL.	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC** **Nguyễn Quí Quý**

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 37-CT/TW NGÀY 03/9/2019 CỦA BAN BÍ THƯ, QUYẾT ĐỊNH SỐ 416/QĐ-TTG NGÀY 25/3/2020 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 1764/QĐ-TTG NGÀY 10/9/2026 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

(*Kèm theo công văn số /SNV-LĐVL ngày tháng 11 năm 2026 của Sở Nội vụ*)

I. Khái quát đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội của địa phương

1. Khái quát đặc điểm kinh tế - xã hội.

2. Quy mô và cơ cấu dân số, lao động.

3. Số lượng doanh nghiệp: phân theo ngành kinh tế, loại hình doanh nghiệp; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dưới 10 lao động; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng từ 10 đến 25 lao động; số doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế...

4. Số lượng doanh nghiệp có tổ chức công đoàn cơ sở: phân theo loại hình doanh nghiệp, trong các khu công nghiệp, khu kinh tế...

5. Tỷ lệ người lao động tham gia công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp.

II. Tình hình 07 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ

a) Công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg và Quyết định số 1764/QĐ-TTg, tập trung vào những nhiệm vụ chủ yếu về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới.

b) Xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể theo từng giai đoạn và hàng năm để tổ chức chỉ đạo và triển khai thực hiện.

c) Công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quan hệ lao động.

d) Thực hiện phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế, tạo điều kiện cho người lao động, người sử dụng lao động tiếp cận thông tin chính thống, nâng cao ý thức giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quan hệ lao động

a) Củng cố, kiện toàn tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, bố trí biên chế, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, quản lý tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lao động.

c) Công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật lao động trong doanh nghiệp trên địa bàn.

d) Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động thiết chế hòa giải, trọng tài; nghiên cứu bố trí hòa giải viên chuyên trách thực hiện 02 nhiệm vụ *(giải quyết tranh chấp lao động và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động)*.

đ) Thúc đẩy cơ chế tham vấn ba bên ở địa phương tham gia hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề quan hệ lao động trên địa bàn.

e) Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển quan hệ lao động trên địa bàn.

g) Thực hiện cơ chế, chính sách phát triển nhà ở, công trình phúc lợi cho công nhân khu công nghiệp.

h) Theo dõi, nắm bắt tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; biến động về lao động, tiền lương, việc làm và đời sống của người lao động; tình hình quan hệ lao động ở địa phương trong các khu công nghiệp, khu kinh tế có đông lao động, nhiều doanh nghiệp.

i) Theo dõi, nắm bắt tình hình vận động, thành lập tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp; công tác quản lý tổ chức đại diện người lao động trên địa bàn.

k) Công tác phối hợp, tích hợp thông tin dữ liệu giữa các cơ quan liên quan để phục vụ công tác quản lý nhà nước về quan hệ lao động; công tác thông tin, dự báo, kết nối cung - cầu và phát triển thị trường lao động để các bên có cơ sở đối thoại, thương lượng.

l) Cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin và cảnh báo sớm về quan hệ lao động giữa cơ quan quản lý nhà nước, công đoàn, cơ quan công an, ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, cơ quan bảo hiểm xã hội, chính quyền cấp xã và tổ chức đại diện người sử dụng lao động.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn trong quan hệ lao động

a) Công tác tuyên truyền vận động và kết quả phát triển đoàn viên, tổ chức công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp *(có số liệu chứng minh)*.

b) Xây dựng, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ công đoàn, nhất là chủ tịch công đoàn cơ sở đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

c) Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp.

d) Đổi mới hoạt động công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở để các tổ chức này thực sự làm chỗ dựa vững chắc hỗ trợ cho công đoàn cơ sở trong quan hệ lao động.

đ) Biện pháp hỗ trợ, bảo vệ đoàn viên, cán bộ công đoàn, tổ chức công đoàn cơ sở trong doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

e) Kết quả hoạt động của công đoàn các cấp trong việc tham gia, thúc đẩy đối thoại, thương lượng tập thể, giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ lao động *(có số liệu chứng minh)*.

4. Thúc đẩy các hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể

a) Tình hình xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở; tiến hành đối thoại theo quy định pháp luật trong các doanh nghiệp *(định kỳ, yêu cầu, vụ việc)*.

b) Tình hình thương lượng tập thể, ký kết và thực hiện thỏa ước lao động tập thể: tỷ lệ doanh nghiệp tiến hành thương lượng, số lượng thỏa ước đã ký kết *(doanh nghiệp, ngành, nhiều doanh nghiệp)*, những nội dung chính trong thỏa ước, việc thực hiện thỏa ước... *(có số liệu chứng minh)*.

c) Hướng dẫn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho các bên trong quan hệ lao động.

d) Hỗ trợ kỹ thuật để các bên tham gia có hiệu quả vào hoạt động đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể.

đ) Thúc đẩy, mở rộng các hoạt động đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể cấp ngành và nhiều doanh nghiệp để góp phần từng bước xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp.

5. Giải quyết tranh chấp lao động và đình công

a) Tình hình tranh chấp lao động và đình công trên địa bàn: số cuộc tranh chấp lao động cá nhân, tập thể, đình công; nội dung các vấn đề tranh chấp; phương thức giải quyết tranh chấp, đình công *(có số liệu chứng minh)*.

b) Xây dựng, hoàn thiện quy chế hoạt động hòa giải viên, Hội đồng trọng tài lao động theo quy định; tập huấn bồi dưỡng, nâng cao năng lực, bố trí địa điểm làm việc, cơ sở vật chất và thực hiện các chế độ đãi ngộ đối với hòa giải viên, trọng tài viên lao động.

c) Nghiên cứu, thí điểm mô hình giải quyết tranh chấp lao động với việc bố trí một số hòa giải viên lao động, trọng tài viên lao động chuyên trách.

d) Nghiên cứu, kiện toàn cơ chế giải quyết tranh chấp lao động, đình công phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, thúc đẩy giải quyết tranh chấp theo đúng quy định pháp luật.

III. Đánh giá chung

Trên cơ sở kết quả triển khai nhiệm vụ, đưa ra những nhận định, đánh giá kết quả thực hiện và làm rõ những nội dung sau:

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân (khách quan, chủ quan)

IV. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

1. Phương hướng, nhiệm vụ

2. Đề xuất, kiến nghị

V. Tổng hợp số liệu về tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, Quyết định số 416/QĐ-TTg, Quyết định số 1764/QĐ-TTg ở địa phương.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm	
			2025	2026
I	**Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động**			
1	***Số doanh nghiệp***	DN		
1.1	Số doanh nghiệp nhà nước (DNNN)			
	- Trong đó: số DNNN trong KCN			
1.2	Số doanh nghiệp dân doanh			
	- Trong đó: số DN dân doanh trong KCN			
1.3	Số doanh nghiệp FDI			
	- Trong đó: số DN FDI trong KCN			
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp dưới 10 lao động	%		
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp từ 10 đến dưới 25 lao động	%		
1.6	Tỷ lệ doanh nghiệp từ trên 25 đến dưới 50 lao động	%		
2	***Số hợp tác xã (HTX)***	HTX		
3	***Số KCN, KKT, KCX đang hoạt động***	Khu		
II	**Lao động trong các DN, HTX đang hoạt động**			
1	***Số lao động trong doanh nghiệp***	người		
1.1	Số lao động (LĐ) trong DNNN			
	- Trong đó: số LĐ trong DNNN trong KCN			
1.2	Số lao động trong DN dân doanh			
	- Trong đó: số LĐ trong DN dân doanh trong KCN			
1.3	Số lao động trong DN FDI			
	- Trong đó: số LĐ trong DN FDI trong KCN			
2	***Số lao động trong các hợp tác xã***	HTX		
III	**Tổ chức công đoàn cơ sở (CĐCS) trong DN, HTX**	tổ chức		
1	Số tổ chức CĐCS trong DNNN			
2	Số tổ chức CĐCS trong DN dân doanh			
3	Số tổ chức CĐCS trong DN FDI			
4	Số tổ chức CĐCS trong HTX			
5	Số đoàn viên CĐ trong các loại hình DN	người		
6	Số đoàn viên CĐ trong các HTX			
IV	**Tình hình thực hiện một số quy định của pháp luật lao động**			
1	***Số DN đăng ký nội quy lao động (số liệu lũy kế)***	DN		
2	***Số DN có thang lương, bảng lương (số liệu lũy kế)***	DN		
3	***Tiền lương, thu nhập bình quân của người lao động (NLĐ) trong DN, HTX***	triệu đồng/ người/ tháng		
3.1	Tiền lương bình quân của NLĐ trong DN			
	Trong đó: - Ở DNNN			
	- Ở DN dân doanh			
	- Ở DN FDI			
3.2	Tiền lương bình quân của NLĐ trong HTX			
3.3	Thu nhập bình quân tháng của NLĐ	triệu đồng/ người/ tháng		
	Trong đó: *- Thu nhập bình quân tháng của NLĐ có tham gia BHXH*			
	- Thu nhập bình quân tháng của NLĐ không tham gia BHXH			
4	***Đối thoại, thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong DN***			
4.1	Số DN có Quy chế dân chủ cơ sở *(số liệu lũy kế)*	DN		
4.2	Số DN tổ chức đối thoại tại nơi làm việc	DN		
	Trong đó: - Số DN tổ chức đối thoại định kỳ	DN		
	- Số DN tổ chức đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên	DN		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm	
			2025	2026
	- Số DN tổ chức đối thoại vụ việc.	DN		
5	***Số thỏa ước lao động tập thể (TƯLĐTT) đã ký kết (số liệu lũy kế)***			
5.1	Số TƯLĐTT doanh nghiệp	bản		
5.2	Số TƯLĐTT ngành	bản		
5.3	Số TƯLĐTT nhiều doanh nghiệp	bản		
6	***Tranh chấp lao động (TCLĐ), đình công***			
6.1	Số cuộc TCLĐ cá nhân	cuộc		
6.2	Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích	cuộc		
	Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích trong KCN	cuộc		
6.3	Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền	cuộc		
	Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền trong KCN	cuộc		
6.4	Số cuộc đình công	cuộc		
	Số cuộc đình công trong KCN	cuộc		
7	***Tỷ lệ công nhân KCN được bố trí ở theo các dự án nhà ở công nhân KCN so với nhu cầu nhà ở của công nhân KCN trên địa bàn***	**%**		
V	**Số công chức hiện được bố trí làm công tác quan hệ lao động (QHLĐ), tiền lương ở địa phương**	người		
1	Số công chức làm công tác lao động, quan hệ lao động, tiền lương, BHXH của Sở Nội vụ	người		
	Trong đó: số công chức chuyên trách về quan hệ lao động	người		
2	Số công chức làm công tác quan hệ lao động tại BQL KCN, KKT	người		
3	Số công chức cấp xã làm công tác lao động, tiền lương, quan hệ lao động	người		
4	Số công chức làm công tác quan hệ lao động tại cơ quan khác	người		
VI	**Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động**			
1	Số lượt NLĐ được tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động	người		
2	Số lượt người sử dụng lao động được tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động	người		
3	Kinh phí thực hiện	triệu đồng		
VII	**Công tác thanh tra, kiểm tra pháp luật lao động**			
1	Số công chức làm công tác thanh tra pháp luật lao động	người		
	Trong đó: Số thanh tra viên lao động			
2	Số DN được thanh tra	DN		
3	Số DN được kiểm tra	DN		
4	Số DN tự kiểm tra (qua phiếu tự kiểm tra)	DN		
5	Số DN bị xử lý vi phạm pháp luật lao động	DN		
6	Tổng số kiến nghị xử lý	kiến nghị		
7	Tổng số quyết định xử phạt	QĐ		
8	Tổng số tiền xử phạt	triệu đồng		
VIII	**Kiện toàn hòa giải viên lao động (HGVLĐ), Hội đồng trọng tài lao động (HĐTTLĐ)**			
1	**Hòa giải viên lao động**			
1.1	Số HGVLĐ được bổ nhiệm đang hoạt động	người		
1.2	Số cuộc TCLĐ được HGVLĐ tiếp nhận	cuộc		
	Trong đó: *- Số cuộc TCLĐ cá nhân*			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm	
			2025	2026
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền			
1.3	Số cuộc TCLĐ được HGVLĐ hòa giải thành			
	Trong đó: - Số cuộc TCLĐ cá nhân hòa giải thành			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích hòa giải thành			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền hòa giải thành			
2	**Hội đồng trọng tài lao động**			
2.1	Thành lập HĐTTLĐ (*đánh dấu X vào năm thành lập, nêu rõ Quyết định thành lập HĐTTLĐ*).			
2.2	Số cuộc TCLĐ do HĐTTLĐ tiếp nhận	cuộc		
	Trong đó: *- Số cuộc TCLĐ cá nhân*			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền			
2.3	Số cuộc TCLĐ do HĐTTLĐ giải quyết			
	Trong đó: Số cuộc TCLĐ cá nhân được TTLĐ ra quyết định giải quyết			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích được TTLĐ ra quyết định giải quyết			
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền được TTLĐ ra quyết định giải quyết			

Ghi chú:
- Số liệu năm 2025 tính đến hết 31/12.
- Số liệu năm 2026 tính đến hết 31/10.